ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28 /2017/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2017*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG-T.HƯNG YÊN
ĐẾN Số: 8567
Ngày 07/12/2017
Chuyển: Lưu Sở
Lưu hồ sơ số: M.To, T.Tra, Né, quan Trần T. Hiền VB Dung

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường; số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 về quản lý chất thải rắn; số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 về báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 988/TTr-STNMT ngày 16/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2017 và thay thế Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CV:TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số28/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; bảo vệ môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp; bảo vệ môi trường làng nghề; bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi và các hoạt động khác; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Bảo vệ môi trường cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau:

a) Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường; khuyến khích tuần hoàn tái sử dụng nước thải sau xử lý; xây dựng hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa; có cửa xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung phải ở vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát; điểm quan trắc phải được đặt cạnh hàng rào bên ngoài cơ sở sản xuất để cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư giám sát việc xả thải; nghiêm cấm việc xây dựng các cửa xả thải ngầm trái phép;

b) Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật;

c) Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động;

d) Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;

đ) Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường.

2. Cơ sở sản xuất nằm đơn lẻ ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có khoảng cách tối thiểu được tính mốc từ nguồn phát thải trong nhà, xưởng sản xuất hoặc dây chuyền công nghệ tới khu dân cư bảo vệ vệ sinh, không có tác động xấu đối với khu dân cư theo quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh lượng chất thải lớn, nguy cơ ảnh hưởng lớn đến môi trường:

a) Phải có bộ phận chuyên môn hoặc nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường;

b) Chịu sự giám sát, quan trắc định kỳ chất thải của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

4. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc danh mục các nguồn thải khí thải lưu lượng lớn ban hành kèm theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu công nghiệp hoặc nằm trong khu công nghiệp nhưng được cấp phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường có lưu lượng nước thải từ 1.000 m^3/ngày.đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát) phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục các thông số như lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và truyền dữ liệu tự động, liên tục 24/24 giờ cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động phải bao gồm thiết bị lấy mẫu tự động được niêm phong và quản lý bởi Sở Tài nguyên và Môi trường; phải lắp đặt thiết bị camera được kết nối internet để giám sát cửa xả của hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ hình ảnh trong vòng 03 tháng gần nhất.

6. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động nằm ngoài khu công nghiệp hoặc nằm trong khu công nghiệp nhưng được cấp phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường có lưu lượng nước thải từ 100 m^3/ngày.đêm đến dưới 1.000 m^3/ngày.đêm (không bao gồm nước làm mát) lắp đặt hệ thống quan trắc

nước thải tự động liên tục các thông số như lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường. Lộ trình thực hiện cụ thể như sau:

a) Cơ sở có phát sinh lưu lượng nước thải từ 500 m^3/ngày đêm đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm thực hiện đầu tư lắp đặt, vận hành xong trước 31/3/2018.

b) Cơ sở có phát sinh lưu lượng nước thải từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 500 m^3/ngày đêm thực hiện đầu tư lắp đặt, vận hành xong trước 31/8/2018.

c) Cơ sở có phát sinh lưu lượng nước thải từ 100 m^3/ngày đêm đến nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm thực hiện đầu tư, lắp đặt xong trước 31/12/2018.

7. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu công nghiệp hoặc nằm trong khu công nghiệp nhưng được cấp phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường đi vào hoạt động sau thời điểm Quy định này có hiệu lực có lưu lượng nước thải từ 100 m^3/ngày.đêm đến dưới 1.000 m^3/ngày.đêm (không bao gồm nước làm mát) lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục các thông số như lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành.

8. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu công nghiệp hoặc nằm trong khu công nghiệp nhưng được cấp phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường có ngành nghề sản xuất có nguy cơ ô nhiễm cao như: nhuộm vải, sợi; giặt tẩy; giặt mài; mạ; tẩy rửa bằng hóa chất; sản xuất giấy từ bột giấy hoặc phế liệu; tái chế phế liệu nhựa,.... hoặc bị khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo về ô nhiễm môi trường do xả nước thải kéo dài có lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục các thông số như lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường. Thời gian lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục của các cơ sở này do Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của cơ sở.

9. Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại các Khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

10. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công trình khai thác nước dưới đất thực hiện quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước theo quy định.

Điều 4. Quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung

1. Các dự án đầu tư thuộc danh mục tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Các dự án đầu tư được quy định tại Khoản 1, Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

3. Trong trường hợp các cơ sở đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhưng chưa có các thủ tục pháp lý về môi trường *(Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; giấy xác nhận/thông báo chấp nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản)* phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả trong thời gian tối đa là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày Nghị định số 18/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 4 năm 2015), cụ thể như sau:

a) Lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết: Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đi vào hoạt động trước ngày 01 tháng 4 năm 2015 có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo ĐTM nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM;

b) Lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản: Đối với các cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày 01 tháng 4 năm 2015 có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP nhưng không có bản cam kết bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

1. Diện tích cây xanh trong phạm vi khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu chiếm 10% tổng diện tích của khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dành tối thiểu 5% tổng diện tích của khu công nghiệp, cụm công nghiệp xây dựng hồ điều hòa để kiểm soát chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải.

2. Bố trí các phân khu chức năng hợp lý, rõ ràng phù hợp với tính chất hoạt động của khu, cụm công nghiệp, đảm bảo giảm thiểu tác động xấu đến môi trường xung quanh và các khu chức năng với nhau; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

3. Có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được thiết kế, xây dựng đồng bộ bao gồm: hệ thống thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung (gồm hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước thải), khu vực lưu giữ chất thải rắn và các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khác. Điểm xả thải nước thải của khu, cụm công nghiệp phải có biển báo rõ ràng, sàn công tác có diện tích tối thiểu 01 m^2, lối đi thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; có phương án, hạ tầng, phương tiện, thiết bị để ứng phó, khắc phục sự cố trong trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung gặp sự cố.

4. Có hệ thống quan trắc môi trường tự động các thông số như lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của khu công nghiệp, cụm công nghiệp trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; duy trì hoạt động 24/24 giờ. Hệ thống quan trắc nước thải tự động phải bao gồm thiết bị lấy mẫu tự động được niêm phong và quản lý bởi Sở Tài nguyên và Môi trường; phải lắp đặt thiết bị camera được kết nối internet để giám sát cửa xả của hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ hình ảnh trong vòng 03 tháng gần nhất; đảm bảo yêu cầu kỹ thuật kết nối để truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và đáp ứng các yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

6. Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan môi trường, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng và người lao động.

7. Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Điều 6. Bảo vệ môi trường làng nghề

1. Làng nghề phải đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường sau:

a) Có phương án bảo vệ môi trường làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt;

b) Có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

c) Có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Định kỳ 02 năm/lần, thực hiện việc đánh giá, phân loại các làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường và công bố kết quả đánh giá, phân loại trên Đài Phát thanh và Truyền

hình tỉnh, Báo Hưng Yên và các phương tiện thông tin, truyền thông tại Hưng Yên; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định tiêu chí môi trường trong việc xem xét, công nhận làng nghề.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: Tổng hợp, công bố danh sách làng nghề, làng nghề được khuyến khích phát triển, các cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch phát triển làng nghề, kế hoạch chuyển đổi ngành nghề hoặc di dời ra khỏi khu dân cư đối với cơ sở sản xuất không thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; cơ chế, chính sách hỗ trợ làng nghề gây ô nhiễm môi trường phải di dời ra khỏi khu dân cư hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất thân thiện môi trường; cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển.

4. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố quy hoạch, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề để di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí từ ngân sách địa phương cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề. Ưu tiên phân bổ kinh phí cho công tác quản lý môi trường, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

6. UBND cấp huyện có trách nhiệm thực hiện điều tra, thống kê, lập danh sách làng nghề, ngành nghề được khuyến khích phát triển, cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề trên địa bàn, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với các cơ sở sản xuất trong làng nghề không thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không đảm bảo khoảng cách đối với khu dân cư; tiếp nhận, xử lý kiến nghị, tố cáo, xung đột về môi trường của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất của làng nghề theo thẩm quyền; không cho phép thành lập mới các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong làng nghề, khu dân cư được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao thành lập mới trong làng nghề, khu dân cư.

7. UBND cấp xã có trách nhiệm lập, trình UBND cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn; thành lập và ban hành quy chế hoạt động tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi

trường của các cở sở sản xuất trong làng nghề theo thẩm quyền, không để thành lập mới cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong làng nghề, khu dân cư; chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện nếu để các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao thành lập mới trong làng nghề, khu dân cư.

Điều 7. Bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi

1. Các cơ sở chăn nuôi tập trung phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chăn nuôi của tỉnh và đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:

a) Các cơ sở chăn nuôi tập trung phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người;

b) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, đường thoát nước thải từ khu vực chuồng nuôi đến hệ thống xử lý nước thải phải kín, đảm bảo dễ thoát nước và thường xuyên được nạo vét, không để ứ đọng, tránh phát sinh mùi hôi, ruồi, muỗi; mạng lưới thoát nước thải và nước mưa phải tách riêng;

c) Chất thải rắn chăn nuôi phải được thu gom hàng ngày và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải, tránh phát tán ra môi trường;

d) Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;

đ) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh. Nghiêm cấm vứt xác vật nuôi và vật nuôi bị nhiễm bệnh ra môi trường.

2. Chăn nuôi trong khu dân cư phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Chuồng nuôi gia súc, gia cầm phải được xây dựng phù hợp với loài vật nuôi và cách biệt với nơi ăn ở và nguồn nước sinh hoạt gia đình; không được làm chuồng trên sông, kênh, mương công cộng; phải có mái che, có nền bằng xi măng hoặc sàn chuồng bằng gỗ, sắt, có hầm biogas đủ công suất theo quy mô gia súc, gia cầm và rãnh thoát nước xung quanh chuồng nuôi; không để nước thải, nước rửa chuồng nuôi tràn từ ô chuồng này sang ô chuồng khác.

b) Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm phải đảm bảo vệ sinh thú ý, vệ sinh môi trường, không để ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

c) Thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng định kỳ, khi có dịch bệnh và sau mỗi đợt nuôi, xuất bán động vật.

d) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh. Nghiêm cấm vứt xác vật nuôi và vật nuôi bị nhiễm bệnh ra môi trường.

Điều 8. Bảo vệ môi trường hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh

1. Bảo vệ môi trường hệ thống Bắc Hưng Hải là trách nhiệm chung của các địa phương, các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Bảo vệ môi trường hệ thống sông Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh là một trong những nội dung cơ bản của quy hoạch tài nguyên nước mặt.

3. Các sông của hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh phải được đánh giá và công bố sức chịu tải; có biện pháp xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm. Nguồn thải đổ vào hệ thống Bắc Hưng Hải phải được quản lý phù hợp với khả năng tiếp nhận của nguồn nước.

4. Thực hiện điều tra, thống kê, đánh giá về lưu lượng, chất lượng của các nguồn xả nước thải vào hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh và phải có giải pháp kiểm soát, xử lý nước thải trước khi thải vào nguồn nước mặt.

5. Lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động để giám sát, cảnh báo ô nhiễm môi trường hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh.

6. Nghiêm cấm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân lấn, chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, xây dựng trái phép công trình ảnh hưởng đến mặt nước.

7. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải vào các sông, kênh, mương, nghiêm cấm xây dựng cửa xả ngầm; đầu tư xây dựng, lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại các Khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 3 của Quy định này.

8. Nghiêm cấm đổ, thải chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải chưa xử lý đảm bảo quy định và các loại chất thải khác (như xác động vật, hóa chất, bao bì đựng hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng....) vào sông, kênh, mương.

Điều 9. Yêu cầu bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư

1. Tất cả các công trình xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư phải có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; có hệ thống thoát nước đảm bảo các chức năng tiêu thoát nước nhanh chóng, không bị ngập úng, nước thải phải được thu gom từ nơi phát sinh và dẫn về các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra môi trường.

2. Có đủ thiết bị, phương tiện chuyên dụng để thu gom, vận chuyển rác thải, có điểm tiếp nhận chất thải rắn theo quy định.

3. Tại các khu vực công cộng như: Hè phố, bến xe, công viên, chợ, trường học, bệnh viện, khu vui chơi.... phải bố trí thùng rác công cộng đặt ở các vị trí phù hợp, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

4. Các đô thị loại IV trở lên phải quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra môi trường.

5. Chủ đầu tư dự án khu dân cư tập trung, chung cư phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

6. Các hồ, ao, kênh, mương trong đô thị, khu dân cư phải được thống kê, khoanh định, bảo vệ, cải tạo; nghiêm cấm việc lấn chiếm, san lấp, xây dựng trái phép công trình trên hồ, ao, kênh, mương.

7. Đối với khu dân cư phân tán phải có điểm tập kết rác thải tập trung; có hệ thống cung cấp nước sạch và các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Điều 10. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân

1. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ môi trường trong gia đình và khu vực công cộng; giảm thiểu, phân loại rác thải tại nguồn, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định. Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo hương ước, quy ước của thôn xóm và quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phải có biện pháp thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

3. Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh. Khi phát hiện các cơ sở gây ô nhiễm môi trường phải báo cáo kịp thời cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý.

4. Nộp đủ và đúng thời hạn phí bảo vệ môi trường; chi trả cho dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

5. Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường nơi cư trú, khu vực công cộng; sử dụng hợp lý, tiết kiệm điện, nước, gas, than....trong sản xuất, sinh hoạt; thực hiện tiêu dùng ít phát sinh rác thải; tăng cường tái sử dụng chất thải, sử dụng các loại bao gói dễ phân hủy trong tự nhiên, các sản phẩm thân thiện với môi trường; hạn chế sử dụng bao bì nilon khó phân hủy.

6. Chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật về những hành vi gây ô nhiễm môi trường do mình gây ra và được giảm phí vệ sinh môi trường, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt khi thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình theo đúng quy trình hướng dẫn.

Điều 11. Áp dụng quy chuẩn về nước thải

1. Các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (trừ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đấu nối toàn bộ nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung) phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt giá trị giới hạn quy định tại cột A, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường tỉnh phù hợp với sức chịu tải của từng khu vực trên địa bàn tỉnh.

2. Nước thải của một số ngành đặc thù được áp dụng theo cột A của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia riêng.

Điều 12. Lập danh sách và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

1. Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Sở Y tế, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường khác có trách nhiệm gửi kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường hoặc trong đó có nội dung về bảo vệ môi trường (bao gồm quyết định thanh tra, kiểm tra; kết luận thanh tra, kiểm tra; kết quả phân tích môi trường của các cơ sở được thanh tra, kiểm tra) và hồ sơ có liên quan sau 05 ngày kể từ ngày ban hành thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, lập danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định;

b) Kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở có tên trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng được Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Tin học - Công báo trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận dữ liệu từ Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ đạo đăng tải thông tin về cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên các phương tiện thông tin đại chúng cho đến khi cơ sở được chứng nhận đã hoàn thành biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở nằm trong các khu công nghiệp có tên trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở có tên trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng được UBND cấp huyện xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc tương đương thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

6. Chủ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường.

Điều 13. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa: Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện

ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng cứu sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn hóa chất, quy trình vận hành sản xuất, công trình xử lý chất thải.

2. Trách nhiệm ứng phó sự cố môi trường được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố;

b) Sự cố môi trường xảy ra ở xã, phường, thị trấn nào thì Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn đó có trách nhiệm huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để kịp thời ứng phó sự cố; sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều xã, phường, thị trấn thì Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn nơi có sự cố có trách nhiệm phối hợp ứng phó và báo cáo kịp thời UBND cấp huyện;

c) Sự cố môi trường xảy ra ở nhiều huyện, thành phố thì Chủ tịch UBND huyện, thành phố xảy ra sự cố có trách nhiệm phối hợp ứng phó và báo cáo kịp thời UBND tỉnh;

d) Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó sự cố của cơ sở, địa phương thì người đứng đầu phải khẩn cấp báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để kịp thời huy động các cơ sở, địa phương khác tham gia ứng phó sự cố môi trường; cơ sở, địa phương được yêu cầu huy động phải thực hiện biện pháp ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi khả năng của mình.

3. Việc ứng phó sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Trách nhiệm bồi hoàn chi phí trong việc huy động các nguồn lực để ứng phó sự cố môi trường

a) Đối với các sự cố môi trường do thiên nhiên, chi phí do ngân sách nhà nước chi trả.

b) Đối với các sự cố môi trường do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ra thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí bồi hoàn.

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về công tác bảo vệ môi trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) công tác bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các đối tượng quy định tại Khoản 1, 2 , 3 Điều này lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp huyện, xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;

c) Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo thẩm quyền;

d) Tham gia Hội đồng cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; tham gia đoàn kiểm tra thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;

đ) Hằng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

e) Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan;

h) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện;

i) Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã;

k) Có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai xã, thị trấn, thị tứ trở lên; tổ chức thu

thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn của mình;

l) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

2. Uỷ ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; hướng dẫn việc đưa tiêu chí về bảo vệ môi trường vào đánh giá thôn, làng, ấp, khu dân cư và gia đình văn hóa;

b) Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo ủy quyền; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân;

c) Chủ trì, phối hợp cùng với chủ dự án đầu tư tổ chức họp tham vấn cộng đồng nơi chịu tác động trực tiếp của dự án;

d) Niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp;

e) Hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải;

g) Quản lý hoạt động của thôn, làng, ấp, tổ dân phố và tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn;

h) Hằng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

i) Chủ trì, phối hợp với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với cộng đồng dân cư;

k) Quy hoạch xây dựng khu mai táng, cát táng trên địa bàn cấp xã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

l) Có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình; thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ ban đầu về thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra;

m) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường được quy định tại Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Chủ trì soạn thảo, tham mưu trình Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, các cấp chính quyền tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật và các hoạt động về bảo vệ môi trường;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan giải quyết hoặc đề xuất Uỷ ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện, liên tỉnh;

đ) Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường và quản lý thống nhất số liệu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện công bố thông tin môi trường theo quy định của pháp luật; tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường theo định kỳ và chuyên đề;

e) Thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường theo pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật thanh tra, pháp luật khiếu nại tố cáo; xử lý hoặc tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh xử lý các vi phạm;

g) Giám sát, nhận dữ liệu quan trắc tự động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, doanh nghiệp có lưu lượng nước thải, khí thải lớn. Giám sát, quan trắc định kỳ các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các nguồn thải của các cơ sở phát sinh lưu lượng nước thải trên 100 m^3/ngày đêm tần suất 2 tháng/lần, trên 500 m^3/ngày đêm tần suất 1 tháng/lần. Chủ trì lập đề án tăng cường giám sát các nguồn thải trên địa bàn tỉnh và tham mưu cơ chế chính sách hỗ trợ các cơ sở lắp đặt trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

h) Chỉ giao đất ngoài thực địa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường), kế hoạch bảo vệ môi trường nộp tại UBND cấp huyện (đối với các dự án phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường);

i) Thiết lập, duy trì đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường;

k) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan điều tra, thống kê, đánh giá, công khai thông tin các nguồn xả thải chính vào hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh; xây dựng Đề án bảo vệ môi trường hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; điều tra, đánh giá sức chịu tải của hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh;

l) Đầu tư lắp đặt, vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động để giám sát chất lượng nước, cảnh báo ô nhiễm nước hệ thống Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh;

m) Đầu tư lắp đặt, vận hành các trạm quan trắc môi trường nước, không khí, đất để giám sát chất lượng môi trường tỉnh;

n) Không cấp phép, tham mưu UBND tỉnh không cấp phép khai thác nước dưới đất cho các tổ chức, cá nhân ở khu vực đã có trạm cấp nước tập trung; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thực hiện quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước theo quy định;

o) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai huyện, thành phố trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai huyện, thành phố trở lên; cung cấp cho UBND cấp huyện các dữ liệu, chứng cứ để xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái trên địa bàn huyện, thành phố trong trường hợp cơ sở đó thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết của UBND tỉnh, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm: Các giấy phép về môi trường, thông tin cơ bản về hoạt động của cơ sở, loại hình hoạt động, sản phẩm, công suất, nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất, chất thải, điểm xả thải, biện pháp xử lý chất thải, công tác quan trắc, phân tích các thông số môi trường;

p) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố lập danh sách người lao động trực tiếp thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của các tổ đội vệ sinh môi trường tại các thôn, khu dân cư; phối hợp với Sở Y tế trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người lao động.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với công tác bảo vệ và cải thiện môi trường đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển sạch, phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường; hạn chế việc tiếp nhận các dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chỉ tiếp nhận các dự án có công nghệ cao, công nghiệp sạch, thân thiện môi trường; kiên quyết từ chối các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều năng lượng, có nguy cơ lớn gây ô nhiễm môi trường; từ năm 2019 không tiếp nhận dự án sản xuất công nghiệp rời lẻ ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế ưu tiên đối với các dự án đầu tư xây dựng các hệ thống, cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, các dự án bảo vệ môi trường ở các ngành, các

cấp như kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, tái chế chất thải, vệ sinh môi trường;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố có biện pháp kiểm soát các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuê nhà xưởng của các dự án có mục tiêu cho thuê nhà xưởng công nghiệp; các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhỏ lẻ có công nghệ sản xuất, máy móc thiết bị lạc hậu, lĩnh vực sản xuất gây ô nhiễm môi trường như: tái chế phế liệu nhựa, tẩy rửa bề mặt bằng hóa chất, sơn, mạ, giặt mài, nhuộm, chế biến thủy hải sản.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo ngân sách cho sự nghiệp môi trường theo Luật Ngân sách và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; cân đối bố trí chi sự nghiệp môi trường cho các ngành, các cấp kịp thời, hiệu quả và đảm bảo không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh (không kể vốn đầu tư xây dựng cơ bản);

b) Phối hợp với các ngành, các cấp huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. Hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các quỹ bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định, trong đó quy định đối tượng là các hộ gia đình thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ được giảm giá dịch vụ.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố để tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp: trong quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải nông nghiệp, quản lý giống cây trồng, giống vật nuôi biến đổi gen và sản phẩm của chúng, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; phổ biến kỹ thuật nông nghiệp về quản lý dịch hại tổng hợp;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong công tác quản lý đê điều, thuỷ lợi, sản xuất nông nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các cấp hướng dẫn các tổ chức, cá nhân bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm; tiêu huỷ gia súc, gia cầm bị dịch bệnh trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các cấp liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trong phòng tránh thiên tai, dịch bệnh;

đ) Kiểm tra, thanh tra việc vận chuyển, buôn bán động vật, thực vật quý, hiếm;

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố giám sát hoạt động xả nước thải vào nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; thông báo cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện, thành phố về chất lượng nước phục vụ tưới tiêu, khuyến cáo nhân dân vào các thời điểm lấy nước cho sản xuất sau khi được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo về chất lượng nước các dòng sông, kênh, mương;

g) Tổ chức thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; tiêu chí môi trường trong việc xem xét công nhận làng nghề.

5. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan, định hướng việc bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh;

c) Chủ trì, hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đề xuất và có phương án triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý;

đ) Giám sát việc thực hiện ngừng cung cấp điện của Công ty Điện lực Hưng Yên và các đơn vị phân phối, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh đối với các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hướng dẫn các chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước xây dựng giá xử lý chất thải rắn gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Kiểm tra, hướng dẫn việc bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư, khu dịch vụ tập trung; không cấp phép xây dựng đối với các cơ sở chưa thực hiện đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý, thu gom, xử lý, tiêu huỷ, chôn lấp, tái chế chất thải rắn thông thường, chất thải công nghiệp nguy hại và quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Giao thông Vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông;

b) Kiểm tra hướng dẫn việc bảo vệ môi trường đối với hoạt động giao thông vận tải, các phương tiện tham gia giao thông, có kế hoạch xử lý các phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường (bao gồm cả các phương tiện đường thuỷ);

c) Tăng cường việc kiểm tra các phương tiện vận chuyển đặc biệt là vận chuyển vật liệu xây dựng, hàng nguy hiểm, hàng hóa và vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông;

8. Sở Y tế

a) Chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, phân loại xử lý chất thải y tế; công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt chú trọng biện pháp xử lý nước thải, rác thải y tế từ các cơ sở khám, chữa bệnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý bảo vệ môi trường trong lĩnh vực sức khoẻ - môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động mai táng;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong phòng và dập dịch bệnh;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người lao động trực tiếp thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của các tổ đội vệ sinh môi trường tại các thôn, khu dân cư.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chương trình giáo dục môi trường cho các cấp học;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, hướng dẫn thực hiện các chương trình tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho học sinh, tổ chức phát động và triển khai các chiến dịch học sinh với sự nghiệp phát triển bền vững, tiết kiệm tài nguyên, tái sử dụng chất thải.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để giảm thiểu tác động đến môi trường; phát triển thị trường công nghệ tập trung ưu tiên trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

b) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh để phòng ngừa, ngăn chặn việc dưa công nghệ, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, cũ, lạc hậu, chất lượng kém và gây ô nhiễm môi trường vào tỉnh.

11. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp huyện có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong hoạt động lễ hội, du lịch theo quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra, hướng dẫn việc bảo vệ môi trường trong quy hoạch, chiến lược phát triển ngành du lịch trên địa bàn tỉnh; bảo đảm phát triển du lịch không xâm hại đến di sản, các loài sinh vật tại khu du lịch, điểm du lịch;

c) Đưa tiêu chí bảo vệ môi trường vào việc đánh giá làng văn hóa, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

12. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy bảo vệ môi trường; xây dựng tiêu chuẩn cán bộ quản lý môi trường ở các ngành, các cấp, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

13. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các chương trình hành động, thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường đối với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh.

14. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường dang áp dụng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những nội dung bất hợp lý và bổ sung nội dung còn thiếu.

15. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các khu chức năng trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của mình thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường khu công nghiệp;

c) Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường các dự án đầu tư vào khu công nghiệp theo sự ủy quyền của UBND tỉnh, UBND cấp huyện khi có đủ điều kiện theo quy định. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh được ủy quyền có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường; gửi bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có khu công nghiệp;

d) Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình xử lý chất thải các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các công trình xử lý chất thải của các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp trước khi đi vào hoạt động chính thức theo thẩm quyền;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định bảo vệ môi trường; phát hiện và kịp thời báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Công khai thông tin về bảo vệ môi trường khu công nghiệp; tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường cho các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp;

h) Tiếp nhận và giải quyết các tranh chấp, kiến nghị về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp; chủ trì và phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp, kiến nghị về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong khu công nghiệp với bên ngoài; tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại tố cáo về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền hoặc được ủy quyền theo quy định pháp luật.

16. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý. Có trách nhiệm huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và tham gia ứng cứu khi có yêu cầu của Chính phủ, Quân đội, Uỷ ban nhân dân tỉnh.

17. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm về môi trường, đặc biệt tăng cường nắm tình hình, trinh sát vào ban đêm, trời mưa, các ngày nghỉ nhằm kịp thời phát hiện và cương quyết xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hành vi xả chất thải chưa xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường, trọng điểm là các khu công nghiệp, khu tập trung doanh nghiệp, làng nghề, các doanh nghiệp có lưu lượng xả nước thải lớn;

b) Điều tra, khởi tố, xử lý hình sự các hành vi vi phạm nghiêm trọng về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ luật Hình sự.

18. Chi cục Hải quan Hưng Yên

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phế liệu nhập khẩu; hàng hoá nhập khẩu, quá cảnh.

19. Các sở, ban, ngành liên quan

Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc bảo vệ môi trường thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình; quản lý môi trường lồng ghép các hoạt động tại địa phương, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

20. Công ty Điện lực Hưng Yên và các đơn vị phân phối, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh

Ngừng cung cấp điện cho các tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường nghiêm trọng gây ảnh hưởng tới tính mạng, tài sản; tái vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

21. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tích cực tuyên truyền, phát động hưởng ứng, vận động nhân dân, các tổ chức thành viên tham gia thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Phối hợp xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, tham gia kiểm tra, giám sát phát hiện các hành vi vi phạm luật bảo vệ môi trường và các chính sách về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

22. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; đưa tin, bài cổ vũ, động viên gương tốt, việc tốt; phê phán những việc làm chưa tốt của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ môi trường.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Khen thưởng về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thì được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Hàng năm, căn cứ vào thành tích bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở và căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xét khen tặng các giải thưởng môi trường cấp tỉnh và đề nghị xét tặng giải thưởng môi trường cấp quốc gia.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan có liên quan và UBND huyện, thành phố phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND cấp xã; đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng